

**BÀI 36. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

Câu 1. Kể tên 8 tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh) của Duyên hải Nam Trung Bộ. Nêu những đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, về tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng.

- Các tỉnh, thành phố :

.....

- Đặc điểm nổi bật :

+ Vị trí địa lí :

.....

.....

+ Tài nguyên thiên nhiên :

.....

.....

+ Kinh tế – xã hội :

.....

.....

Câu 2. Hoạt động đánh bắt thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện phát triển mạnh là do

- A. hệ thống sông ngòi dày đặc.
- B. đường bờ biển dài, nhiều bãi tôm, bãi cá.
- C. có các cơ sở chế biến thủy sản hiện đại nhất cả nước.
- D. ít thiên tai.

Câu 3. Thứ tự của một số cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phân bố từ Bắc xuống Nam là

- A. Kỳ Hà, Tiên Sa, Quy Nhơn, Cam Ranh.
- B. Tiên Sa, Kỳ Hà, Quy Nhơn, Cam Ranh.
- C. Tiên Sa, Kỳ Hà, Cam Ranh, Quy Nhơn.
- D. Tiên Sa, Quy Nhơn, Kỳ Hà, Cam Ranh.

Câu 4. Các bãi biển nổi tiếng về du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ phân bố theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là

- A. Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.
- B. Mỹ Khê, Nha Trang, Sa Huỳnh, Cà Ná, Mũi Né.
- C. Sa Huỳnh, Mỹ Khê, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.
- D. Sa Huỳnh, Mỹ Khê, Cà Ná, Nha Trang, Mũi Né.

Câu 5. Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc tỉnh

- A. Quảng Nam.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Bình Định.
- D. Khánh Hoà.

Câu 6. Vấn đề lương thực, thực phẩm ở Duyên hải Nam Trung Bộ được giải quyết dựa trên cơ sở

- A. đẩy mạnh thâm canh lương thực ở những nơi có điều kiện.
- B. trao đổi sản phẩm của vùng với các vùng sản xuất lương thực thực phẩm ở nước ta.
- C. thay đổi cơ cấu bữa ăn, tăng khẩu phần cá và các thủy sản khác trong bữa ăn hàng ngày.
- D. tất cả các giải pháp trên.

Câu 7. Dựa vào kiến thức đã học và Atlas Địa lí Việt Nam, hãy điền vào bảng dưới đây các thế mạnh để phát triển từng ngành kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

Ngành	Thế mạnh
Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản	
Du lịch biển	

Ngành	Thế mạnh
Giao thông vận tải biển	
Khai thác khoáng sản, làm muối	

Câu 8. Cho bảng số liệu dưới đây :

**SỐ LƯỢNG ĐÀN BÒ CỦA CẢ NƯỚC, BẮC TRUNG BỘ
VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, GIAI ĐOẠN 1999 - 2005**

(Đơn vị : nghìn con)

Năm	1999	2003	2005
Cả nước	4063,6	4394,4	5540,7
Bắc Trung Bộ	868,8	899,0	1110,9
Duyên hải Nam Trung Bộ	1127,2	1084,0	1293,3

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng của đàn bò vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ so với cả nước năm 1999, 2003 và năm 2005.

- Xử lí số liệu :

**TỈ TRỌNG ĐÀN BÒ CỦA BẮC TRUNG BỘ
VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ SO VỚI CẢ NƯỚC**

(Đơn vị : %)

Năm	1999	2003	2005
Cả nước	100,0	100,0	100,0
Bắc Trung Bộ			
Duyên hải Nam Trung Bộ			

- Vẽ biểu đồ :

Biểu đồ.....

Chú giải:

b) So sánh tình hình phát triển đàn bò của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ với cả nước các năm từ 1999 đến 2005.

- Tình hình tăng trưởng :

- Cơ cấu từng vùng so với cả nước :

c) Vì sao Duyên hải Nam Trung Bộ có số lượng bò đứng đầu cả nước ?

.....
.....
.....
.....

Câu 9. Dựa vào hình 35.2 trong SGK và Atlas Địa lí Việt Nam.

a) Hãy điền thông tin cần thiết vào bảng dưới đây :

**TIỀM NĂNG, SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP
Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

Tiềm năng	Sự phát triển và phân bố

Câu 10. Tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải có ý nghĩa như thế nào trong việc hình thành cơ cấu kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 11. Cho bảng số liệu sau :

**MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ NGÀNH THỦY SẢN CỦA BẮC TRUNG BỘ
VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

Chỉ số	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	108,7	247,7	339,2	623,8
- Đánh bắt	93,1	182,2	331,3	574,9
- Nuôi trồng	15,6	65,5	7,9	48,9

a) Tính tốc độ tăng trưởng các chỉ số đã cho của 2 vùng trong giai đoạn 1995-2005 (lấy năm 1995 = 100%).

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC CHỈ SỐ

(Đơn vị : %)

Chỉ số	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Tổng sản lượng thủy sản	100,0		100,0	
- Đánh bắt	100,0		100,0	
- Nuôi trồng	100,0		100,0	

b) So sánh và giải thích về tốc độ tăng trưởng các chỉ số giữa 2 vùng từ số liệu đã tính toán.

- So sánh :

.....

.....

.....

- Giải thích :

.....

.....

.....

c) Tính tỉ trọng của đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trong tổng sản lượng thủy sản của hai vùng, năm 1995 và năm 2005.

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN

(Đơn vị : %)

Sản lượng	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0
- Đánh bắt				
- Nuôi trồng				

d) Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo hoạt động của 2 vùng năm 2005.

- Tính bán kính hình tròn :

.....

.....

.....

- Vẽ biểu đồ (mỗi vùng 1 biểu đồ):

Biểu đồ.....

Chú giải :

Biểu đồ.....

Chú giải :

e) So sánh tổng sản lượng và cơ cấu sản lượng thủy sản của 2 vùng qua các năm.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....